

Số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/07/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2021 Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX –ST ngày 05 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh Trương Đình C - sinh năm 1975.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội

Tại phiên tòa anh C, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn là anh Trương Đình C trình bày:

- **Về tình cảm vợ chồng:** Anh Trương Đình C và chị Bùi Thị H sau một thời gian yêu nhau, đến năm 1996 chúng tôi đã về sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì chúng tôi đã có những mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 13 năm nay.

Nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và Bùi Thị H.

Về con chung: Có 02 con chung: Trương Minh Đ, sinh ngày 25/5/1998, Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008.

Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, còn cháu Đ đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai thì do cháu tự quyết định. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về công nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bị đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh C sau một thời gian tìm hiểu vợ chồng tôi có đi đăng ký kết hôn chứ không như anh C nói là vợ chồng không có kết hôn. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/1996 tại UBND xã B.

Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 13 năm. Anh C muốn ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu lớn Trương Minh Đ, sinh ngày 25/5/1998; cháu thứ hai Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008.

Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, còn cháu Đ đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai thì do cháu tự quyết định.

Chị H đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng mỗi tháng.

Về công nợ chung: Không.

Về nợ riêng: Tôi có cho mẹ anh C là bà Nguyễn Thị H vay 4.000.000 đồng để mua đất. Vì vậy tôi đề nghị mẹ anh H phải có trách nhiệm trả lại tôi số tiền này tính theo giá trị từ thời điểm cho vay đến bây giờ.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Anh Trương Đình C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Chính C xin tự đóng góp nuôi con 1 triệu đồng/tháng cho cháu Trương Thị Mỹ L.

Chị Bùi Thị H có quan điểm: Đồng ý ly hôn, chị xin nuôi cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008. Không yêu cầu đóng góp nuôi con chung đối với anh C.

Về việc cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (mẹ anh C) vay tiền. Chị H không đề nghị xem xét trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh C được ly hôn chị H;

Giao cho chị H nuôi cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008

Anh C đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trương Thị Mỹ L trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh C có quyền đi lại, thăm hỏi con chung. Không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 25/5/1998 đã trưởng thành. Việc cháu Đ ở với ai do cháu tự quyết định.

Tài sản chung: Không có; Công nợ chung: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Trương Đình C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội giải quyết việc Ly hôn với chị Bùi Thị H.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai.

[2] Về nội dung: Anh Trương Đình C và chị Bùi Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội vào ngày 01/12/1996. Việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Đã có thời gian dài sống ly thân nhau.

Xét Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Vì vậy cần xử cho anh Trương Đình C được ly hôn chị Bùi Thị H.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008.

Giao cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng.

Anh C đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trương Thị Mỹ L trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh C có quyền đi lại, thăm hỏi con chung. Không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 25/5/1998 đã trưởng thành. Việc cháu Đ ở với ai do cháu tự quyết định.

[4] Tài sản chung: Không có;

[5] Công nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trương Đình C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 51; 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Trương Đình C được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 20/4/2008 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng.

Anh C đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trương Thị Mỹ L trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh C có quyền đi lại, thăm hỏi con chung. Không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 25/5/1998 đã trưởng thành. Việc cháu Đ ở với ai do cháu tự quyết định.

Tài sản chung: Không có

Công nợ chung: Không có;

Công Sức: Không có.

Về án phí: Anh Trương Đình C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0053534 ngày 11/05/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Oai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bá Thắng

Nơi nhận:

- *Toà án NDTP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát ND huyện Thanh Oai;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Bá Thắng

